

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển đại học hệ chính quy,
ngành Huấn luyện thể thao, khoá 20 (Niên khoá 2026 – 2030) năm 2026
(Đợt xét tuyển bổ sung 2)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 18/7/2025 của Hội đồng trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học TDTT Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BGDĐT ngày 19/4/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về việc xác định số lượng tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và số lượng tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-TDĐTĐN ngày 19/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học;

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-TDĐTĐN ngày 19/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Đà Nẵng về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1133/QĐ-TDĐTĐN ngày 10/8/2026 của Hiệu trưởng – Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học TDTT Đà Nẵng về việc phê duyệt mức điểm chuẩn trúng tuyển các ngành trình độ đại học hệ chính quy năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 1349/TB-TDĐTĐN ngày 10/9/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Đà Nẵng về việc thông báo tổ chức thi năng khiếu xét tuyển đại học chính quy và xét tuyển đại học hình thức thường xuyên, xét tuyển bổ sung năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng giáo dục và Thường trực Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

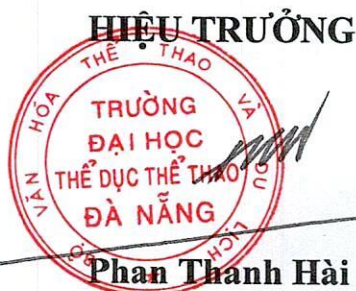
Điều 1. Công nhận 54 thí sinh trúng tuyển đại học hệ chính quy, ngành Huấn luyện thể thao, đợt xét tuyển bổ sung 2, khóa 20 (Niên khoá 2026 - 2030) năm 2026. Có danh sách trúng tuyển kèm theo.

Điều 2. Thí sinh trúng tuyển có trách nhiệm xác nhận và nhập học đúng thời gian theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng giáo dục, Trưởng các đơn vị thuộc Trường, Hội đồng tuyển sinh và các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Khoa HLTT;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐTBĐCLGD.



Đà Nẵng, ngày 02 tháng 10 năm 2026

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH ĐỢT BỔ SUNG
TÊN MÃ XÉT TUYỂN: HUẤN LUYỆN THỂ THAO - 7810302

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1488/QĐ-TDTTĐN của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐDCN	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Điểm ưu tiên (Thang 30)	Điểm trúng tuyển	Ngành trúng tuyển
1	PHẠM VŨ HUY CƯỜNG	07/03/2006	Nam	049206006106			Đà Nẵng	TO	3,06	NK1	8,13	NK2	9,00	406	T01	0	20,19	HLTT
2	HÀ GIA BẢO	05/06/2005	Nam	064205018377			Gia Lai	TO	4,55	NK1	8,63	NK2	10,00	406	T01	0	23,18	HLTT
3	TRẦN VÕ XUÂN TỈNH	20/01/2007	Nam	052207007234	3		TP HCM	TO	4,96	NK1	9,50	NK2	10,00	406	T01	0	24,46	HLTT
4	LÊ ANH TUẤN	12/10/2008	Nam	044208007391	1		Quảng Trị	TO	5,25	NK1	8,00	NK2	10,00	406	T01	0,75	23,93	HLTT
5	NGUYỄN THANH HUY BẢO	10/01/2006	Nam	048206007398			Đà Nẵng	TO	5,28	NK1	8,13	NK2	9,75	406	T01	0	23,16	HLTT
6	TRẦN THANH SANG	14/05/2006	Nam	044206005290	2NT		Quảng Trị	TO	5,28	NK1	9,38	NK2	9,25	406	T01	0,5	24,32	HLTT
7	ALĂNG QUANG THỨC	12/11/2007	Nam	049207012864	1		Đà Nẵng	TO	5,28	NK1	8,00	NK2	9,00	406	T01	0,75	23,03	HLTT
8	ALĂNG MINH VỸ	11/08/2008	Nam	049208007845	1		Đà Nẵng	TO	5,46	NK1	8,13	NK2	8,25	406	T01	0,75	22,59	HLTT
9	TRẦN THỊ THẢO NHÂN	10/11/1995	Nữ	062195000409			Quảng Ngãi	TO	5,54	NK1	10,00	NK2	10,00	406	T01	0	25,54	HLTT
10	VÕ VĂN SƠN	17/01/2003	Nam	048203003482			Đà Nẵng	TO	5,82	NK1	8,25	NK2	10,00	406	T01	0	24,07	HLTT
11	Y-MUT KPOR	13/02/2008	Nam	067208008556	1		Lâm Đồng	TO	5,87	NK1	8,88	NK2	7,75	406	T01	0,75	23,25	HLTT
12	TRẦN LÊ QUỐC HẬU	26/03/2008	Nam	051208002277	1		Quảng Ngãi	TO	5,97	NK1	8,13	NK2	9,25	406	T01	0,75	24,02	HLTT
13	NGUYỄN THANH BÌNH	06/09/2007	Nam	064207015871	2		Gia Lai	TO	5,97	NK1	8,13	NK2	9,50	406	T01	0,25	23,81	HLTT
14	PHAN TRỌNG TRÍ	08/10/2008	Nam	040208010247	1		Nghệ An	TO	6,01	NK1	9,25	NK2	10,00	406	T01	0,75	25,73	HLTT
15	HỒ VĂN THAN	15/02/2008	Nam	049208002095	1		Đà Nẵng	TO	6,01	NK1	8,38	NK2	8,00	406	T01	0,75	23,14	HLTT
16	ĐỒNG ANH THU	23/02/2008	Nữ	049038005553	2		Đà Nẵng	TO	6,37	NK1	7,38	NK2	10,00	406	T01	0,25	23,96	HLTT

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐDCN	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Điểm ưu tiên (Thang 30)	Điểm trúng tuyển	Ngành trúng tuyển
17	NGUYỄN TẤN HOÀI	07/06/2008	Nam	052208006934	2		Gia Lai	TO	6,53	NK1	8,38	NK2	5,50	406	T01	0,25	20,66	HLTT
18	Y - NATHAN KPOR	11/08/2008	Nam	067208004314	1		Lâm Đồng	TO	6,75	NK1	7,88	NK2	8,25	406	T01	0,75	23,59	HLTT
19	TRẦN XUÂN NGHĨA	11/03/2008	Nam	040208005319	2NT		Nghệ An	TO	6,86	NK1	8,38	NK2	10,00	406	T01	0,5	25,56	HLTT
20	DƯƠNG TRẦN BÌNH MINH	10/08/2008	Nam	070208011756	2NT		Quảng Trị	TO	6,93	NK1	7,75	NK2	6,75	406	T01	0,5	21,93	HLTT
21	MAI VĂN CƯỜNG	20/05/2007	Nam	049207014625	2NT		Đà Nẵng	TO	7,03	NK1	9,75	NK2	8,75	406	T01	0,5	25,83	HLTT
22	ĐẶNG BÁ THÁI THIỆN	21/05/2008	Nam	045208003562	1		Quảng Trị	TO	7,46	NK1	8,25	NK2	9,75	406	T01	0,75	25,91	HLTT
23	TRẦN ĐỨC NGHĨA	29/03/2007	Nam	044207001480	1		Quảng Trị	TO	7,50	NK1	9,00	NK2	10,00	406	T01	0,75	26,85	HLTT
24	KHA THÁI BẢO	21/05/2006	Nam	040206003753			Nghệ An	VA	3,32	NK1	9,25	NK2	10,00	406	T02	0	22,57	HLTT
25	NGUYỄN QUỐC BẢO	21/01/2008	Nam	052208012580	1		Gia Lai	VA	5,43	NK1	7,63	NK2	8,75	406	T02	0,75	22,56	HLTT
26	PHẠM VĂN QUỲNH	05/01/2008	Nam	051208002540	1		Quảng Ngãi	VA	6,01	NK1	8,25	NK2	8,00	406	T02	0,75	23,01	HLTT
27	VÕ CHÍ THANH	19/03/2008	Nam	051208000578	2NT		Quảng Ngãi	VA	4,77	NK1	7,75	NK2	8,75	406	T02	0,5	21,77	HLTT
28	TRẦN PHẠM NHẬT TRƯỜNG	25/06/2007	Nam	044207005491	1		Quảng Trị	VA	5,49	NK1	8,63	NK2	10,00	406	T02	0,75	24,71	HLTT
29	VŨ ĐOÀN NHÂN	20/11/2000	Nam	049200005049			Đà Nẵng	VA	4,63	NK1	9,88	NK2	10,00	406	T02	0	24,51	HLTT
30	NGUYỄN ĐỨC ANH	15/09/2006	Nam	042206007155			Hà Tĩnh	VA	6,20	NK1	9,38	NK2	10,00	406	T02	0	25,58	HLTT
31	NGUYỄN GIA HÙNG	17/07/2008	Nam	064208001248	1		Gia Lai	VA	4,39	NK1	8,38	NK2	6,50	406	T02	0,75	20,02	HLTT
32	VŨ TRỌNG MẠNH	22/08/2008	Nam	052208003341	1		Gia Lai	VA	6,75	NK1	8,38	NK2	7,00	406	T02	0,75	22,88	HLTT
33	NGUYỄN TIẾN TUÂN	12/05/2007	Nam	049207012724	2		Đà Nẵng	VA	6,18	NK1	8,50	NK2	8,50	406	T02	0,25	23,41	HLTT
34	TRẦN ANH VŨ	22/05/2007	Nam	064207010502	1		Gia Lai	VA	4,55	NK1	9,63	NK2	9,00	406	T02	0,75	23,86	HLTT
35	LÊ NGUYỄN VĂN THỌ	10/05/2005	Nam	048205006910			Đà Nẵng	VA	3,10	NK1	8,00	NK2	10,00	406	T02	0	21,10	HLTT
36	PHAN THIÊN HẠO	29/03/2008	Nam	064208009978	2		Gia Lai	VA	5,54	NK1	9,50	NK2	10,00	406	T02	0,25	25,21	HLTT
37	PHẠM TRẦN TUÂN KHANH	22/01/2007	Nam	049207011423	3		Đà Nẵng	VA	6,30	NK1	7,75	NK2	10,00	406	T02	0	24,05	HLTT
38	NGUYỄN VĂN HIẾU	13/11/2007	Nam	051207015485	1		Quảng Ngãi	VA	2,00	NK1	7,88	NK2	9,50	406	T02	0,75	20,13	HLTT

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	ĐDCN	KV UT	ĐT UT	Tên tỉnh	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Điểm ưu tiên (Thang 30)	Điểm trúng tuyển	Ngành trúng tuyển
39	NGUYỄN LÊ BẢO NGỌC	19/06/2008	Nữ	049308009471	1		Đà Nẵng	VA	6,37	NK1	3,50	NK2	9,50	406	T02	0,75	20,12	HLTT
40	HUỖNH NGỌC BẢO	07/10/2008	Nam	049208013353	2NT		Đắk Lắk	VA	5,46	NK1	8,88	NK2	9,50	406	T02	0,5	24,25	HLTT
41	QUÁCH VĂN HẢO	24/10/2006	Nam	017206001218			Phú Thọ	VA	4,55	NK1	8,63	NK2	9,00	406	T02	0	22,18	HLTT
42	NGUYỄN THỊ MINH THU	12/06/2007	Nữ	064307012601	2		Gia Lai	VA	6,53	NK1	5,38	NK2	7,50	406	T02	0,25	19,66	HLTT
43	LÊ ANH	01/11/1987	Nam	042087013152			Hà Tĩnh	VA	4,27	NK1	9,88	NK2	10,00	406	T02	0	24,15	HLTT
44	NGUYỄN LÊ TƯỜNG VY	17/02/2008	Nữ	048308008624	3		Đà Nẵng	VA	8,34	NK1	3,75	NK2	10,00	406	T02	0	22,09	HLTT
45	LÊ NGUYỄN HUỖNH CHI	12/06/2008	Nữ	049308001479	2NT		Đà Nẵng	TO	7,25	NK1	7,00	NK2	8,75	405	T01	0,5	23,47	HLTT
46	PỒ LY ĐẶNG HIẾU	05/10/2008	Nam	062208004641	1		Quảng Ngãi	VA	6,00	NK1	8,88	NK2	7,75	405	T02	0,75	23,37	HLTT
47	CAO ĐỨC NHẬT	09/02/2008	Nam	044208006476	2NT		Quảng Trị	VA	6,75	NK1	9,38	NK2	10,00	405	T02	0,5	26,39	HLTT
48	TRỊNH VĂN NHẬT	11/10/2008	Nam	067208006263	1		Lâm Đồng	VA	7,00	NK1	8,38	NK2	10,00	405	T02	0,75	25,84	HLTT
49	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	11/07/2008	Nam	066208018101	2		Đắk Lắk	VA	5,75	NK1	9,00	NK2	7,50	405	T02	0,25	22,50	HLTT
50	ĐIỀU CHUN	07/01/2008	Nam	067208007717	1		Lâm Đồng	VA	6,75	NK1	8,75	NK2	8,25	405	T02	0,75	24,38	HLTT
51	VÕ DUY LONG	19/09/2007	Nam	064207001916	1		Gia Lai	VA	6,00	NK1	9,63	NK2	9,50	405	T02	0,75	25,62	HLTT
52	VĂN CÔNG VỸ	22/04/2008	Nam	042208000598	2		Hà Tĩnh	VA	5,75	NK1	10,00	NK2	10,00	405	T02	0,25	25,89	HLTT
53	NGUYỄN THÁI BẢO	22/10/2008	Nam	042208001682	2NT		Hà Tĩnh	TO	6,25	NK1	10,00	NK2	10,00	405	T01	0,5	26,50	HLTT
54	VÕ VIỆT HÙNG	19/05/2008	Nam	048208000553	3		Đà Nẵng	TT	TT	TT	TT	TT	TT	301	TT	TT	TT	HLTT

Ghi chú: HLTT: Huấn luyện thể thao; TT - Tuyển thẳng

NGƯỜI LẬP



ThS Hoàng Ngọc Viết

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Phan Thanh Hải